

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

07
2/11/14

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Sau khi xem xét Tờ trình số 6453/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 66/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và ở thôn, tổ dân phố (gọi chung là ở thôn) như sau

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã gồm 29 chức danh. Mức phụ cấp của từng chức danh được quy định tại phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn gồm 08 chức danh. Mức phụ cấp của từng chức danh được quy định tại phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Đối với người hoạt động không chuyên trách theo các chức danh quy định tại khoản 1, 2 điều này, được bố trí đảm nhiệm chức danh chính thức trong số lượng quy định tại điều 2 của Nghị quyết này (không tính trường hợp kiêm nhiệm), nếu có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thì ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, 2 điều này, hàng tháng được hỗ trợ thêm bằng 0,2 mức lương cơ sở.

Điều 2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Xã, phường, thị trấn loại 1 được bố trí tối đa không quá 22 người;
2. Xã, phường, thị trấn loại 2 được bố trí tối đa không quá 20 người;
3. Xã, phường, thị trấn loại 3 được bố trí tối đa không quá 19 người;
4. Việc xếp loại đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về việc phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;
5. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn và việc bố trí kiêm nhiệm, kiêm nhiệm bắt buộc đối với chức danh hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn cho từng đơn vị hành chính cấp xã và thôn.

Điều 3. Chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội

1. Thực hiện đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 4, điều 1, Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã quy định tại khoản 4, điều 2 Nghị quyết này.
2. Hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện bằng 0,03 mức lương cơ sở đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo quy định tại khoản 4, điều 2 Nghị quyết này (trừ những trường hợp đang được hưởng bảo hiểm y tế).
3. Hỗ trợ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện bằng 0,2 mức lương cơ sở đối với 02 chức danh: Phó trưởng Công an xã và Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp xã.

Điều 4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm

Trừ các chức danh không được kiêm nhiệm theo quy định của pháp luật, cán bộ, công chức cấp xã, trí thức trẻ tình nguyện về công tác ở xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn trong số lượng quy định tại

điều 2 của Nghị quyết này, nếu kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách khác thì được hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm;

Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất; riêng trường hợp kiêm nhiệm chức danh Thủ quỹ và Chủ tịch Công đoàn thì vẫn hưởng cả mức phụ cấp kiêm nhiệm của 02 chức danh này, cụ thể như sau:

1. Cán bộ, công chức cấp xã, trí thức trẻ tình nguyện về công tác ở xã nếu đã được bố trí vào 01 chức danh chính thức, đồng thời kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách mà giảm được 01 người trong số lượng quy định cho từng xã hoặc từng thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm;

2. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, nếu kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách khác mà giảm được 01 người trong số lượng quy định cho từng xã hoặc từng thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 70% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm;

3. Người kiêm nhiệm các chức danh Chủ tịch Công đoàn, Thủ quỹ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng hệ số 0,3 mức lương cơ sở;

4. Người kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ngoài số lượng quy định cho từng đơn vị hành chính cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 15% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

Điều 5. Chế độ nghỉ việc

1. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn nếu không thuộc đối tượng hưởng chế độ hưu trí, mất sức, khi nghỉ việc, nếu không vi phạm kỷ luật buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm thì được hưởng trợ cấp một lần, mức trợ cấp được tính cứ mỗi năm công tác bằng một phần hai ($\frac{1}{2}$) tháng phụ cấp của chức danh đảm nhận chính khi nghỉ việc. Đối với những chức danh người hoạt động không chuyên trách được cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương quy định chế độ trợ cấp nghỉ việc cao hơn mức quy định tại Nghị quyết này thì hưởng theo mức cao hơn đó.

2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn nếu trước kia đã là cán bộ, công chức trong số lượng quy định của Chính phủ được chuyển sang đảm nhận chức danh những người hoạt động không chuyên trách mà chưa được hưởng chế độ trợ cấp nghỉ việc, nay tiếp tục hoạt động không chuyên trách thì khi nghỉ việc, được cộng dồn thời gian công tác vào thời gian tính trợ cấp nghỉ việc theo Nghị quyết này.

Điều 6. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn

1. Đối với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã
 - a) Ban thanh tra nhân dân cấp xã:
 - Phường, thị trấn: 3.000.000 đồng/ban/năm;
 - Xã đồng bằng: 2.500.000 đồng/ban/năm;
 - Xã miền núi, vùng cao: 2.000.000 đồng/ban/năm.
 - b) Ban Chấp hành Hội người cao tuổi xã, Ban Tuyên giáo Đảng ủy xã: 1.500.000 đồng/ban/năm.
 - c) Khối Dân vận cấp xã: 1.500.000 đồng/khối/năm.
2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn
 - a) Ban Công tác Mặt trận thôn: 1.500.000 đồng/ban/năm.
 - b) Chi hội Phụ nữ, Chi hội Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân: 1.200.000 đồng/chi hội/năm.
3. Kinh phí hỗ trợ được chi cho các hoạt động sau
 - a) Mua văn phòng phẩm phục vụ cho công tác;
 - b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
 - c) Hoạt động hội họp; công tác hòa giải; kiểm tra, giám sát các hoạt động theo chức năng của mỗi tổ chức;
 - d) Các khoản chi khác liên quan đến hoạt động của tổ chức.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết này do ngân sách cấp xã đảm nhận. Trường hợp ngân sách cấp xã không cân đối được, ngân sách cấp trên xem xét, bổ sung.
2. Căn cứ số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và ở thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc khoán quỹ phụ cấp và kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và ở thôn.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế các nghị quyết sau của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Nghị quyết số 04/2010/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2010 quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và chế độ đối với những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng liên quan ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

b) Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 04/2010/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2010 quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và chế độ đối với những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng liên quan ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

c) Nghị quyết số 05/2009/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2009 về việc bổ sung kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã;

d) Nghị quyết số 03/2008/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2008 quy định mức chi phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố;

e) Điều 2 của Nghị quyết số 03/2011/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2011 quy định mức trợ cấp ngày công lao động của dân quân, mức phụ cấp hàng tháng của Thôn đội trưởng và mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội của Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã;

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa V, kỳ họp thứ 7 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL) ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh ;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP.Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, VP.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo tỉnh (2 bản) ;
- Lưu: VT, TN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần An Khánh



PHỤ LỤC I

CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10 /2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (So với mức lương cơ sở)
1	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra	1,0
2	Trưởng khối Dân vận	1,0
3	Người làm công tác ở Tổ chức Đảng ủy	1,0
4	Người làm công tác ở Tuyên giáo Đảng ủy	1,0
5	Người làm công tác ở Văn phòng Đảng ủy	1,0
6	Phó Trưởng Công an xã	1,0
7	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp xã	1,0
8	Người làm công tác giao thông - thủy lợi - xây dựng nông thôn mới (đối với xã) hoặc người làm công tác môi trường đô thị (đối với phường, thị trấn).	1,0
9	Người làm công tác lao động - thương binh và xã hội (đối với những đơn vị hành chính cấp xã chưa bố trí đủ 02 công chức văn hóa - xã hội).	1,0
10	Người làm công tác gia đình và trẻ em	1,0
11	Người làm công tác văn thư - lưu trữ	1,0
12	Người làm công tác tiếp nhận và trả kết quả	1,0
13	Người làm công tác bảo vệ rừng	1,0
14	Người làm công tác ở Đài truyền thanh	1,0
15	Người làm công tác quản lý Nhà văn hóa	1,0
16	Người làm công tác nội vụ - dân tộc - tôn giáo - thi đua - khen thưởng	1,0

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (So với mức lương cơ sở)
17	Người làm công tác quản lý nông nghiệp (đối với những đơn vị hành chính cấp xã chưa bố trí đủ 02 công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường).	1,0
18	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0,85
19	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0,8
20	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,8
21	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,8
22	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,8
23	Chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên	0,8
24	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,7
25	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,7
26	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân	0,7
27	Công an viên thường trực ở xã	0,8
28	Thủ quỹ (kiêm nhiệm bắt buộc)	0,3
29	Chủ tịch Công đoàn (kiêm nhiệm bắt buộc)	0,3



PHỤ LỤC II

PHỤ CẤP, MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (So với mức lương cơ sở)
1	Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố	0,8
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	0,8
3	Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố	0,7
4	Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn	0,7
5	Công an viên ở thôn	0,7
6	Thôn đội trưởng	0,5
7	Bảo vệ dân phố:	
	- Trưởng Ban bảo vệ dân phố	0,7
	- Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố	0,56
	- Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố	0,49
	- Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố	0,42
	- Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố	0,35
8	Nhân viên y tế thôn:	
	- Đối với thôn thuộc xã vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ	0,5
	- Các thôn còn lại	0,3